

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 7 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Hằng.

2. Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Gi (Trần Thị Cẩm Gi), sinh năm: 1976. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn V, sinh năm: 1975. Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2019, Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị Gi trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Gi và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, chị Gi và anh V sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Nay chị Gi xét

thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, nên chị Gi yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh V không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Gi và anh V có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 03/3/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004. Hiện nay, Kim Th đã thành niên và đã kết hôn, nên chị Gi không có yêu cầu gì. Riêng đối với Gia B đang sống chung với chị Gi. Theo đơn khởi kiện thì chị Gi yêu cầu giao con cho anh V nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị Gi sẽ không cấp dưỡng nuôi con, nay chị Gi xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Gi không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố giữa chị Gi và anh V không phải là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho chị Gi nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

**** Về thủ tục tố tụng:***

Anh Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án, anh V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2019, chị Gi yêu cầu ly hôn với anh V, yêu cầu giao con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho anh V nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị Gi không có yêu cầu gì. Nay chị Gi

xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị Gi yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Gi và anh Nguyễn Văn V có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1999, trên tinh thần tự nguyện của anh chị, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 08/2016 thì anh chị sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Gi yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh V không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Gi và anh V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Gi yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh V không phải vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận chị Gi và anh V là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị Gi và anh V có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 03/3/2000 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004. Hiện nay, Kim Th đã thành niên và đã kết hôn, nên chị Gi không có yêu cầu gì. Riêng đối với Gia B, tại phiên tòa hôm nay, chị Gi yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của chị Gi, nhưng anh V không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của chị Gi. Hội đồng xét xử xét thấy. Từ khi anh V và chị Gi ly thân cho đến nay thì thời gian đầu cháu B sống chung với anh V. Sau đó, cháu B về sống chung với chị Gi, nhưng anh V không có ý kiến phản đối. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thì cháu B có nguyện vọng chung sống với chị Gi. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho chị Gi nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị Gi không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh V, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Gi không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Gi phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Gi (Trần Thị Cẩm Gi).

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Gi (Trần Thị Cẩm Gi) và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Hiện nay con chung của chị Gi và anh V là Nguyễn Thị Kim Th, sinh ngày 03/3/2000 đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, tự lao động nuôi sống bản thân được, nên chị Gi không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/5/2004 cho chị Trần Thị Gi (Trần Thị Cẩm Gi) trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu B thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh V, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Gi không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Gi (Trần Thị Cẩm Gi) phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Gi được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí, Tòa án số 0006078 ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Gi đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình; Anh Nguyễn Văn V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Gi biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Văn V không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên